

Bài 61. Kinh Tăng Chi | Chương Ba pháp | Phẩm Sa Môn | Sư Giác Nguyên giảng 03/05/2018

Tôi nhắc lại nhe. Một vị tỳ kheo người xứ Vajji đã đến gặp Phật, thưa rằng: “Con số 150 giới nhiều quá!”.

Các vị thấy lạ không? Giới của tỳ kheo là 227, của tỳ kheo ni là 311, mà tại sao đây chỉ nói 150? Trong Chú giải có ghi là bởi vì vào thời điểm này giới của tỳ kheo mới có 150 thôi, có nghĩa là chưa đủ 227. Cái kẹt nhất ở đây là nhiều người đọc Chánh tạng mà không đọc Chú giải, cho nên họ hoang mang, phân vân chỗ này. Chớ thật ra đọc Chú giải thì yên rồi, đâu có chuyện gì để nói.

Chuyện nữa là các vị thấy chữ “Vajji” không? Tỳ kheo người Vajji là tên một bộ tộc, nhưng tại sao có tên Vajji ở đây? Chữ Vajji gắn liền với một chữ nữa là Licchavi. Hai chữ này cùng xuất phát từ chữ “Nicchavi”, có nghĩa là “người không có da”; “ni” là không, “chavi” là da. Còn “Vajji” có nghĩa là kẻ bị lưu đày, người bị xua đuổi.

Tại sao có chuyện đó? Là ngày xưa có một ông đạo sĩ ở trong rừng. Mỗi ngày ông vô rừng hái trái, đào củ rễ để ăn. Bữa đó ông đi ngang hồ sen, thấy trong hồ sen có một bông sen to một cách dị thường. Ông tới gần quan sát thì thấy trong đóa sen to đùng đó có một cục thịt đỏ hỏn. Thấy lạ, ông mới tha cục thịt đó về nhà, để trong am của ông.

Một thời gian sau, khối thịt này vỡ ra, hiện ra hai đứa bé rất lạ. Da của hai đứa bé này mịn và mỏng đến mức coi như không có da vậy. Ông nuôi hai đứa bé này từ từ lớn lên. Ông là người tu, việc nuôi dạy hai đứa bé đến chừng mực nào thôi. Đến lúc lớn lên, hai đứa bé này về phố nó ở. Đặc biệt hai đứa này da thịt gần như trong suốt, nhìn như thấy hết gân máu, giống như người không có da, nên người ta kêu chúng là Nicchavi.

Còn Vajji là sao? Vajji có nghĩa là hai đứa này nó mạnh lắm. Nó chơi với trẻ con cùng trang lứa, nó đánh vật, rồi nó trèo đầu trèo cổ, chơi gì cũng mạnh hơn người ta. Từ đó nó luôn hà hiếp, lấn lướt bọn trẻ kia, cuối cùng người lớn phải can thiệp. Họ tách rời hai đứa này ra, không cho chơi chung nữa. Có nghĩa là từ nhỏ hai đứa này đã có thân thể rất đặc biệt. Cha nuôi là ông đạo sĩ trong rừng. Bản thân đi đâu cũng bị người ta né tránh.

Khi lớn lên, hai anh em được người ta cho một miếng đất hoang cuối làng khai khẩn, trồng trọt, làm ruộng, làm rẫy. Cuối cùng cũng được chút ít nhà cửa, gia tư, rồi lấy vợ có con. Nó đẻ ra con cũng giống giống như nó vậy, nghĩa là có da mà không giống như người bình thường. Thế là nó có tên là Nicchavi, và cái tên thứ hai là Vajji, nghĩa là kẻ bị lưu đày.

Từ từ sanh sôi, nhưng không ai thích chơi với đám người này hết. Nguyên dòng nó đi đâu cũng bị tránh. Nhưng họ toàn là dân có tài, dần dần hình thành bộ tộc. Trong bộ tộc có người đứng đầu, có triều đình, thành một vương quốc.

Nên đời Phật mình ra đời, có cả một triều đình Licchavi. Trong Kinh không ghi rõ, chỉ nói là họ có một kiểu ăn mặc giống chư thiên trên cõi Đao Lợi. Rất giống, từ chiếc xe họ đi, đến áo quần, trang phục, phụ kiện trên người rất giống chư thiên trên cõi Đao Lợi. Có lẽ do những vị đạo sĩ sư phụ của họ thường đi lên đi xuống thấy rồi bày vẽ cho họ. Chuyện này không có gì lạ.

Trong Kinh có ghi là chuyện các đạo sĩ có thần thông, họ đi lui tới chỗ này chỗ kia, dưới Long Cung, họ lên Đao Lợi, cõi Tứ thiên vương. Họ về họ dạy lại nền văn minh đó cho loài người. Thí dụ mình thấy nhà cửa có nhiều kiểu như nhà nóc nhọn, nhà nhiều mái, trùng cát, chồng lên nhau, thí dụ vậy. Thì một phần trong đó là do các vị đạo sĩ họ đi lên các cõi, đem nền văn minh kiến trúc đó về dạy lại cho học trò, đệ tử của họ. Từ từ chúng ta có thêm kiến thức gần như không truy được nguồn gốc. Truy sao được. Mấy vị đạo sĩ họ đem ở cõi khác về làm sao mà truy. Nhe!

Dòng họ Licchavi ở xứ Vajji này, người thì gọi là Licchavi, còn đất thì gọi là đất Vajji, gọi là Kẻ bị lưu đày. Còn vị tỳ kheo này xuất thân từ bộ tộc đó, trong dòng dõi đó. Ông đến thừa với Phật là giới nhiều quá. Lúc đó Đức Phật mới cấm giới có 150 thôi. Vị này nói: “Giới nhiều quá, con nhớ không xuể. Mà nhớ không xuể thì làm sao con giữ?”. Phật mới nói: “Thôi bây giờ người chỉ nhớ ba cái là Giới, Định, Tuệ thôi, nhớ Tam học thôi, đừng nhớ nhiều.”

Trong Chú giải giải thích “Giới” đây là sự trang nghiêm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, coi cái gì mà nó hại mình, hại người thì mình tránh không làm. Cái đó được gọi là giới. Còn Định vẫn là tập trung tư tưởng, Tuệ là sống chánh niệm. Thì không bao lâu vị này đắc chứng La-hán.

Tôi cũng đã nói rất nhiều lần. Cái gọi là Đạo đế đó là Bát chánh đạo, nhưng nó cũng chính là Tam học, cũng chính là Thất giác chi, cũng chính là Ngũ căn, Ngũ lực, Tứ niệm xứ. Nó cũng chính là Tứ như ý túc, Tứ chánh cần. Cho nên Tam học là tên gọi khác của Bát chánh đạo. Nó là hình thức ngắn gọn của Bát chánh đạo. Con số tám của Bát chánh đạo không phải là con số bắt buộc đời đời phải nhớ.

Chúng ta nhớ rằng Phật pháp có bao nhiêu đi nữa, Kinh điển có bao la cách mấy đi nữa, nhưng cái tinh thần cốt lõi, tinh hoa của Phật pháp vẫn là Tam học. Một lần nữa tôi nhắc lại, có rất nhiều pháp thoại, có rất nhiều bài giảng của Đức Thế Tôn cho chư tỳ kheo, mình đọc vô mình nói đó dạy riêng cho chư tăng. Không phải! Tại vì những vị này giống như con lớn trong nhà. Ngài nói chuyện thì Ngài gọi các vị này nói. Chứ còn tinh thần Tam học, giáo lý Tam học thì là con đường hành trì chung cho tất cả những ai tin Phật, học Phật, thờ Phật và tu Phật. Cho tất cả những ai cầu đạo giải thoát. Cho tất cả những ai chán sợ sanh tử luân hồi, thì tất thấy đều phải hành trì con đường Tam học. Chứ làm ơn đừng có thấy mấy bài Kinh này rồi tưởng Đức Phật dạy riêng cho chư tăng thì không có, nhe!

Vì con đường Tam học là con đường hành trì chung cho tất cả mọi người. Gọi là chư tăng, Phật tử thì dựa vào hình thức bên có tóc, bên không có tóc, bên đắp y, bên áo

quần, khác nhau cái đó. Chớ còn nội dung hành trì thì người cư sĩ và chư tăng phải hành trì một con đường giống hệt nhau, không khác gì hết trơn. Chư tăng có Giới, Định, Tuệ để chứng Thánh, thì cư sĩ cũng Giới, Định, Tuệ để chứng Thánh.

Tuy nhiên, vì chư tăng là hàng xuất gia nên có những quy định hơi nghiêm khắc một chút. Còn về cư sĩ, họ có một chút thoải mái hơn chư tăng. Nhưng nói về công phu tu hành thì hai bên đứt khoát là phải giống hệt nhau, không được khác một millimètre, một milligramme nào hết.

Vì hễ còn là tâm phàm thì phiền não y chang nhau, và cái cách đối phó, giải quyết, xử lý phiền não cũng y chang nhau. Chứ đâu được nói: “Tui là cư sĩ, tui tu kiểu khác.” Cái đó là hiểu lầm. Tất cả người con Phật, tất cả người cầu đạo giải thoát đều phải tu tập giống nhau hết.

Dĩ nhiên nó có xê xích chút đỉnh. Căn cơ người này khác người kia một chút thì lối hành trì cũng khác nhau một chút. Nhưng nếu nói khác thì trong chư tăng đâu có vị nào giống vị nào, trong cư sĩ cũng đâu có vị nào giống vị nào.

Con đường Tam học không chỉ riêng cho chư tăng. Đó là chuyện thứ nhất.

Bởi lý tưởng và nội dung Tam học là gì? Là giải quyết dứt điểm tam độc, tức là tham, sân, si. Trong khi tam độc của chư tăng và cư sĩ giống nhau y chang như hai giọt nước. Rồi cách giải quyết cũng y chang như vậy.

Chỉ có cái, tôi nói lại, chư tăng thì trong hình thức xuất gia gần giống Đức Phật hơn, nên hình thức phải nghiêm túc hơn một chút. Còn cư sĩ thì hơi khó một chút. Nhớ nhe!

Bài kinh này tôi không giảng nhiều. Sáng nay mình học một loạt các kinh có nội dung là lời đề nghị Đức Phật cho tất cả những người đệ tử của Ngài đều phải hành trì Tam học. Tiếp theo các vị hoan hỷ cho xin bài kinh khác.

Tôi cũng nhắc lại lần nữa, là ngài Buddhaghosa là một vị danh tăng, quê hương ở Nam Ấn. Ngài đồng hương với ngài Buddhadatta và ngài Dhammapala, tức là hai vị này cũng viết chú giải Tam tạng đó.

Thì ngài Buddhaghosa sau khi học thuộc lòng Tam tạng rồi có một cái suy nghĩ, cho rằng mình với sư phụ đâu có khác gì nhau, không biết giờ mình theo sư phụ mình có còn gì học nữa hay không. Chớ gia tài sư phụ có bao nhiêu thôi.

Ngài đi bát sau lưng sư phụ. Sư phụ đi trước, Ngài vừa đi vừa suy nghĩ như vậy. Sư phụ Ngài là vị La hán lục thông, thì đang đi Ngài đứng lại nói:

“Đừng có nghĩ như vậy. Bao nhiêu đó chưa hết nghề của tôi đâu.”

Ngài nghe Ngài hết hồn, mới quỳ sụp xuống nói:

“Con xin sám hối.”

Thì Ngài tưởng học hết Tam tạng là ngon rồi. Trong khi Ngài chưa chứng gì hết trơn trọi, Ngài tưởng sư phụ với mình giờ ngang nhau, ở gần thầy mình còn học được cái gì. Ai ngờ sư phụ đứng lại nói:

“Ông đừng nghĩ như vậy, ông học chưa tới đâu hết.”

Thì Ngài mới quỳ sám hối.

Sư phụ nói thế này:

“Cái tội của ông chỉ có một cách duy nhất xóa sạch thôi. Chớ cái tội suy nghĩ của ông nó nặng lắm. Chỉ có một cách chuộc tội thôi. Đó là chú giải Tam tạng được ngài Mahinda cách đây 600 năm về trước đem để bên Tích Lan. Lúc ngài đem qua bằng tiếng Ma Kiệt Đà. Sau khi đem qua đó, Ngài cho người dịch sang tiếng Tích Lan. Bây giờ trách nhiệm ông là ông qua đó, gom hết chú giải Tam tạng, ông dịch trở lại tiếng Pali cho đời sau có cái gốc nghiên cứu.

Đồng thời một chuyện nữa không kém phần cam go, đó là sau gần 1.000 năm Phật giáo lưu lạc, thì có rất nhiều dị kiến trong các chú giải. Bây giờ ông qua, ông đúc kết, rồi ông lựa lọc coi cái gì không chính xác thì mình có cái gan mình bỏ.”

Nghĩa là vừa dịch vừa chọn lọc. Công việc đó cũng nặng. Thêm nữa, phải đi bằng cách nào? Ấn Độ đâu đi bộ được, đâu bay được?

Cho nên từ tấm gương các vị tiên hiền, lịch đại tổ sư như thế này nè, Ngô Thừa Ân đời sau mới viết truyện Huyền Trang đi thỉnh kinh, là ông cũng dựa vào các tích, các tuồng chớ hông phải không. Những tích tuồng giống giống như vậy, chớ chưa hẳn ông Ngô Thừa Ân ông đọc được chuyện đời của ngài Buddhaghosa. Chưa chắc đâu. Nhưng có điều ông phải đọc rất nhiều Phật pháp ông mới viết được bộ Tây du ký.

Trong đó mình thấy Phật Tổ Như Lai, rồi Quan Âm Bồ tát, Thái thượng Lão quân, Ngọc Hoàng thượng đế, rồi Tổ sư Bồ Đề, toàn là thứ dữ không hà. Tại sao người ta không thối phù một phát là bao nhiêu kinh Phật từ chùa Lô Âm bay thẳng về Trung Hoa cho nó gọn? Mặc cái gì đày đọa bốn thầy trò phải qua 81 kiếp nạn này nọ, bao nhiêu cám dỗ làm chi? Bởi vì mình phải hiểu chuyện đời không đơn giản như mình nghĩ.

Nếu có thần thông muốn làm gì cũng được thì trên đời này còn gì nữa để mà nói. Chớ nếu mình sử dụng thần thông theo cái đầu phàm phu của mình thì nhiều chuyện mình thấy chắc dễ dàng lắm.

Thí dụ như trước khi Niết bàn, Đức Phật dùng thần thông, Ngài hóa hiện một vị Phật giống như Ngài vậy, ngồi ở Ấn Độ, cũng nói năng bình thường, chỉ có điều không ăn uống thôi. Mà nếu cần, tới giờ đi bát cũng được nữa. Tới giờ ôm bát đi khất thực, về thuyết pháp. Mà vị này tồn tại trụ thế suốt 5.000 năm rồi mới viên tịch thì đem lại lợi ích cho chúng sanh biết bao nhiêu.

Đó, đó là suy nghĩ của tôi đó. Nhưng có một điều, mình biết một câu chính xác là: “Phật dữ Phật tri, Thánh dữ Thánh tri.” Có nghĩa là Phật với Phật biết nhau, Thánh

với Thánh biết nhau. Biết chuyện gì nên làm, chuyện gì không nên làm, mà tại sao nên làm, tại sao không nên làm.

Các vị biết, ở đây cũng vậy. Sư phụ ngài Mahatissa, ngài Buddhaghosa, Ngài có thần thông, Ngài muốn đem ngài Buddhaghosa đem thẳng qua Tích Lan cũng được, chớ mắc chứng gì đày đọa vị này. Duyên sự phải như vậy đó, nghe!

Bởi vì cái gì cũng xài thần thông hết thì sao? Trong Chú giải Tạng Luật có nói: “Nếu chuyện gì cũng dùng thần thông thì sau này những vị không có thần thông họ sẽ sống ra sao, bởi vì Phật tử cứ quen tu là phải có thần thông.”

Đức Thế Tôn có suy nghĩ chuyện này. Ngài nghĩ không phải vị nào cũng có thần thông. Nhứt là càng về sau trong Phật pháp, số lượng tỳ kheo có thần thông ngày càng ít đi, thì người Phật tử họ sẽ nghĩ gì về mấy vị chơn tu đời sau. Đó là điều thứ nhứt.

Điều thứ hai quan trọng hơn nữa, là đối với các bậc Thánh không còn phiền não thì các ngài không quan tâm chuyện sướng, khổ, khó, dễ. Họ không quan tâm. Còn mình thì phàm tâm đầy ắp, mong có thần thông đỡ cực. Nhưng đối với các ngài, cực hay sướng the same. Các ngài không còn thiết tha gì chuyện sung sướng, tiện nghi, dễ dàng, mau chóng, các ngài không màng.

Dĩ nhiên lâu lâu trường hợp đặc biệt các ngài nhúc nhích ngón tay, xài thần thông chút cho vui, chớ còn đa phần là không dùng.

Mình biết chuyện Đức Thế Tôn trong suốt mấy tháng trời đi bộ từ chùa Kỳ Viên tới xứ Naga, Ngài chỉ dùng thần thông có một hai lần gì đó. Thí dụ như lần đó tới một bờ sông nước ngập, chảy xiết. Trong đoàn thì có vị có thần thông, có vị không có thần thông. Thì Đức Thế Tôn chỉ chú nguyện:

“Tất cả qua sông hết nghe.”

Thì Ngài biến mất ở bờ này và xuất hiện ở bờ kia cùng với 500 tỷ kheo. Có một lần đó.

Chứ còn các vị thấy nhiều lần khác, tỷ như là khát nước. Với sức của Ngài, muốn bao nhiêu nước mà không có. Nhưng mà không. Ngài vẫn hành xử y như người không có thần thông vậy đó:

“A Nan ơi, Như Lai khát nước.”

Rồi ngài A Nan cũng năm lần bảy lượt từ chối, cuối cùng cũng cầm bình bát đi theo dòng suối đục ngầu, Ngài múc. Thì lúc Ngài đưa bình bát xuống, do phước báo, chớ không phải thần thông, oai lực của Đức Phật khiến cho nước chỗ đó trong vắt, thì Ngài mới múc đem về cúng Phật.

Lúc Ngài vừa đưa bình bát xuống là đoạn suối đó trong vắt, thì Ngài mới tóc lông dựng ngược:

“Ồ, oai lực của một vị Phật thật là khó tin như thế này, thật vi diệu như thế này.”

Chuyện này Ngài biết lâu rồi. Nhưng với niềm tin của một vị Tu đà hườn, mỗi lần thấy chuyện này Ngài vẫn hoan hỷ. Các vị tưởng tượng đi, mới cầm bình bát vừa nhúng xuống dưới nước thì nguyên một đoạn suối trong vắt, mà trước đây nó đục ngầu bùn sinh cặn cáu không hà. Nhe!

Ở đây cũng vậy, ngài Buddhaghosa sau khi lạy từ tạ sư phụ rồi, với mấy tỷ kheo quá giang một đoàn tàu buôn từ Ấn Độ qua Tích Lan. Trên đường đi, đức ngài Đế Thích dùng thần thông khiến cho gió thổi một chiếc tàu từ Tích Lan đi về Ấn Độ. Biển bao la mà ngài Đế Thích khiến cho hai chiếc thuyền đó gặp nhau. Gặp chớ không đụng nghe.

Thì bên chiếc tàu từ Tích Lan về có ngài Buddhadata. Ngài cũng là một nhà Chú giải Tam tạng lừng danh tương đương với ngài Buddhaghosa và ngài Dhammapala. Ngài đứng trên đầu tàu, thì trên tàu có người nói:

“Bên tàu kia cũng có một chư tăng kia, có sư ở bên.”

Ngài Buddhaghosa bên đây cũng nghe mấy người nói vậy, thì hai chiếc thuyền buôn cặp vào nhau. Hai vị hỏi hạ lạp, chào hỏi nhau theo lễ sa môn. Xong rồi ngài Buddhadatta mới hỏi ngài Buddhaghosa:

“Sư đi đâu đây? Hành trình này không dễ. Chắc hẳn Sư có đại sự nhân duyên mới vượt trùng dương phải không?”

Thì Ngài mới kể là sư phụ phật vậy, kêu qua đây dịch Kinh, rồi đem chú giải đó chuyển từ tiếng Tích Lan qua tiếng Pali, cho người đời sau mọi người đều quy về một gốc. Còn tiếng địa phương ai muốn dịch thì dịch, nhưng phải có bản gốc bằng tiếng Ma Kiệt Đà.

Thì ngài Buddhadatta nói:

“Công việc đó tôi rất muốn làm, nhưng bây giờ tôi sắp mãn thọ rồi, tôi phải đi trước nên công chuyện dở dang tôi giao lại cho Ngài. Công việc phiên dịch đó tôi coi nó như là một đứa con gái mà tôi chưa kịp gả thôi. Thì bây giờ Ngài chính là rể đông sàng đó, tôi gả lại cho Ngài.”

Rồi hai vị từ giã nhau.

Ngài Buddhadatta trở về Ấn Độ ít hôm thì Ngài tịch. Còn ngài Buddhaghosa đi qua Tích Lan, bắt đầu tiếp xúc với chư tăng của hai nhóm. Nhóm Abhayagiri và nhóm Mahavihara.

Hồi xưa lúc đời vua A Dục, ngài Mahinda qua thì chư tăng có một thôi. Nhưng sau khi ngài Mahinda tịch rồi, thì anh em trong chư tăng có một vài dị kiến, mâu thuẫn nhau trong cách hiểu giáo lý. Từ chỗ mâu thuẫn nhỏ dẫn tới mâu thuẫn lớn, cuối cùng họ tách thành hai nhánh: một nhánh là Abhayagiri, Tàu dịch là Vô Úy Sơn; nhánh thứ hai là Mahavihara, nhóm Đại Tinh Xá. Cả hai nhóm đều là bậc uyên thâm thạc học.

Ngài Buddhaghosa qua tới nơi mới trao đổi, học hỏi, tìm hiểu, nghiên cứu cả hai phía. Rồi Ngài đem bộ Chú giải cũ, như Maha..., Maha..., Ngài đem mấy bộ này ra đối chiếu, so sánh coi cái gì mà Ngài thấy do ngộ nhận, hiểu lầm, sai lệch với Kinh điển thì Ngài bỏ đi. Chỉ ghi chép lại cái gì Ngài thấy rằng đối chiếu với Kinh điển, giáo lý mà phù hợp thì Ngài giữ lại, chuyển qua tiếng Pali thành một bộ Chú giải.

Gồm có: Chú giải Trường bộ Kinh, Sumangalavilasini; Chú giải Trung bộ Kinh, Papancasudani; Chú giải Tương ưng bộ Kinh, Saratthapakasini; Chú giải Tăng Chi bộ Kinh, Manorathapurani. Mấy cái này tôi phải học thuộc lòng mà.

Chú giải Tiểu bộ Kinh, Khuddakapatha; còn Chú giải Tạng Luật, nguyên năm bộ Luật có một bộ chú giải thôi, là Samantapasadika; còn Chú giải A tỳ đàm có ba cuốn. Cuốn một: Atthasalini. Chú giải bộ Phân tích là Sammoha Vinodhani. Còn năm bộ còn lại là (...).

Tổng cộng này giờ tôi kể một loạt chú giải đó. Thì xong xuôi rồi Ngài mới đúc kết. Ngài đúc kết những gì Ngài biết trong Tam tạng và Chú giải, viết thành một quyển mà trong room này tôi biết này giờ nhiều người thắc mắc tại sao tôi đang giảng Tam học mà lại đánh một vòng bao la vậy?

Là bởi vì sau khi nghiên cứu Kinh điển, Chú giải xong rồi, ngài Buddhaghosa mới đúc kết toàn bộ Tam tạng và Chú giải thành một bộ gọi là Thanh Tịnh Đạo, Visuddhimagga. Nội dung toàn bộ của Thanh Tịnh Đạo là phân tích bài kệ:

“Không làm các điều ác.

Làm các điều lành.

Giữ gìn tâm trong sạch.

Ấy lời chư Phật dạy.”

Ngài phân tích bài kệ đó qua cương lĩnh Tam học. Cho nên bộ Thanh Tịnh Đạo gồm ba phần. Phần một nói về Giới. Phần hai nói về Định. Phần ba nói về Tuệ. Giờ các vị mới hiểu tại sao tôi đánh một vòng bao la như vậy, sẵn bữa nay cho bà con nghe luôn.

Ngài viết vừa xong, tính trình cho Tăng thống của hai nhóm thì chư Thiên giấu mất. Ngài viết lại lần nữa, chư Thiên cũng lấy mất. Tới lần thứ ba, vừa hoàn tất cái quyển thứ ba thì Ngài chép lại, chép bằng trí nhớ một trăm phần trăm nhe, thì chư Thiên mới đem trả hai bộ đầu lại. Lúc đó Ngài và chư tăng đem dò lại, ba quyển không khác nhau một chữ. Tức là trí nhớ Ngài tốt đến mức như vậy.

Hôm nay trong room mình, mình phải có dịp nghiên cứu Thanh Tịnh Đạo. Quý vị biết rồi, bên Phật giáo Miến Điện người ta coi nặng bộ này lắm. Mỗi năm người ta có nhiều kỳ thi như thi Tam tạng, thi Luật tạng, thi A tỳ đàm, thi tiếng Pali. Nhưng đặc biệt họ có một kỳ thi rất lạ lùng là kỳ thi Thanh Tịnh Đạo. Có nghĩa là ai là người nhớ nhiều, hiểu được bao nhiêu, thuộc lòng được bao nhiêu, họ làm một kỳ thi, phần thi oral, phần thi writing.

Ông giáo sư Natemol từng là người thi đậu mấy khóa thi Thanh Tịnh Đạo này. Đặc biệt là ông có viết cuốn sách là Nội dung tóm tắt Thanh Tịnh Đạo. Bộ này hiện đang trôi nổi trên mạng, bà con chịu khó tìm đọc. Tôi không nhớ ai dịch đó, mà có đủ hay không.

Tôi quay trở lại. Vấn đề sanh tử của chúng ta chỉ là tham, sân, si. Do vô minh trong Bốn Đế nên tham với sân có cơ hội có mặt. Do không hiểu mọi thứ là khổ, không hiểu rằng mình thích ghét cái gì cũng trong khổ, cho nên mới có thích và ghét. Như vậy, do si mà nó làm nền cho tham và sân.

Còn Tam học là sự hỗ trợ lẫn nhau của các thiện pháp theo hướng Giới, Định, Tuệ để chấm

Dứt tham, sân, si, để có một ngày mình có trí tuệ hiểu rõ Bốn Đế, mà hiểu rõ bằng trí tuệ của mình, chứ không phải cái trí hiểu biết kiểu từ chương, kiểu kiến thức được trao truyền, được tiếp nhận từ người khác.

Bởi vì cái biết kiểu mình, cái biết qua sách vở, cái biết này không đủ để trấn áp phiền não, chứ nói gì tới cắt đứt cội rễ phiền não. Cho nên học đạo cứ học hoài từ đời Phật

này qua đời Phật khác; tu Tứ niệm xứ hết đời Phật này đến đời Phật khác, chừng nào tới lúc công viên quả mãn thì học chỉ có hai câu, ba câu hà, mà tự nhiên thành tựu được trí tuệ Bốn Đế. Nghe, nhớ cái này!

Cho nên đời này kiếp này tôi không nói cho các vị buồn. Nhưng các vị tinh tấn được bao nhiêu thì các vị tinh tấn. Hồi sáng qua tôi có trích dẫn một bài kinh, Đức Phật Ngài dạy là sợi tóc chẻ làm bảy phần, tóm mỗi phần lại, xong gom thành một mối, Ngài nói chuyện đó còn dễ hơn là chuyện một người hiểu Bốn Đế là gì.

Mọi cái còn lại là Khổ đế. Mà hễ Tập chấm dứt thì đó là Diệt đế. Và ba cái nhận thức này cộng lại chính là Đạo đế. Đây là một nhận thức nếu viết ra giấy thì nó chừng hai hàng. Còn nếu nói bằng miệng thì mất có đúng một phút thôi. Nhưng khổ một chỗ là nhận thức này là có đế mà gieo duyên thôi, chớ nó chưa đủ để cắt đứt phiền não. Khi ba-la-mật chín muồi rồi thì mấy cái nhận thức này lại xuất hiện lần nữa trong đầu của mình. Nhưng lúc đó những nhận thức này đủ lực để mà cắt đứt phiền não.

Trong room có hiểu không ta? Có nghĩa là những nhận thức y chang như vậy, không thêm bớt một gram nào, nhưng với sự hỗ trợ của ba-la-mật, thì cái hiểu của mình y chang vậy: mọi thứ là khổ, thích ghét cái gì cũng là trong khổ, hết thích hết ghét thì chính là cứu cánh thoát khổ. Sống bằng ba nhận thức trên đây chính là con đường thoát khổ.

Chỉ bao nhiêu đó thôi nhưng ngay lúc đó là bừng sáng lên. Mình nhận ra bằng trí của mình. Mình thấy hơi thở này là Khổ đế nè, ước muốn này là Tập đế nè. Thấy rõ như vậy đó. Thấy: “Ồ, thì ra cái thế giới này chỉ là chỗ quần quanh của Khổ và Tập thôi. Bao nhiêu kiếp sanh tử nó chỉ quần quanh Khổ đế và Tập đế thôi.” Lúc đó là giác ngộ!

Bài kinh Hữu học

Có một vị tỳ-kheo đến hỏi Đức Phật:

“Con nghe các vị lớn, các vị bằng con, nhỏ hơn con, đi đâu cũng nghe nói hữu học, hữu học, mà con không biết hữu học là cái gì?”

Ý là vậy đó. Thì Đức Phật Ngài dạy: chuyện đầu tiên, hữu học có nghĩa là còn có cái phải học, còn có cái phải trau dồi, thì vị đó gọi là hữu học.

Nhắc lại: hữu học là người còn có cái phải học, còn có cái phải hành. Nhưng mà học cái gì, hành cái gì? Ngài nói đó chính là giáo lý Tam học. Học là học về giáo lý Tam học, mà hành cũng là hành giáo lý Tam học.

Một vị Tu-đà-hườn thì Tam học chưa hoàn tất. Chính vì chưa hoàn tất nên trí tuệ Bốn Đế chưa hoàn tất. Mà trí tuệ Bốn Đế chưa hoàn tất thì sự chấm dứt phiền não cũng chưa hoàn tất.

Tư-đà-hàm cũng vậy, chỉ khá hơn Tu-đà-hườn một chút thôi, chớ đạo nghiệp cũng chưa hoàn tất. A-na-hàm khá hơn Tư-đà-hàm một bậc, dứt hẳn dục ái và sân, nhưng cũng còn lại ngã mạn, phóng dật và vô minh, sắc ái, vô sắc ái; năm thượng phần kiết sử vẫn còn nguyên.

Cho nên từ Tu-đà-hườn, Tư-đà-hàm cho tới A-na-hàm được gọi là hữu học là bởi vì các vị này còn có những cái phải trau dồi, còn có quãng đường phải đi tiếp. Cho nên các vị này được gọi là hữu học.

Đoạn 85

Bài kinh đoạn 85 này rất quan trọng. Tôi nhắc lại, một loạt kinh này được giảng trong lúc, vào thời điểm Đức Phật chưa cấm chế đủ 227 giới. Lúc đó Ngài mới cấm chế 150 giới. Cho nên mình đọc tới đọc lui mình thấy sao có 150 nhắc hoài. Là bởi vào thời điểm này chưa đủ 227 giới. Phải có duyên sự, Thế Tôn mới cấm chế, ban hành một cái học giới.

Thì đoạn 85 này vô cùng quan trọng. Ở đây Ngài dạy:

“Này các tỳ-kheo, kể rộng thì 150 giới, nhưng mà tất cả 150 giới ấy hoàn toàn có thể thu gom vào trong Tam học.”

Nếu tôi là quý vị, tôi sẽ lấy bản Pali tôi học thuộc lòng, có nhiều đoạn quan trọng lắm. Nếu mà tôi may mắn trong đời tôi có được một cái (...), thì mấy cái đoạn này tôi sẽ đề nghị các vị ấy học thuộc lòng. Đây là lý do vì sao chư Phật ba đời, các vị thị giả luôn luôn là các vị thủ khổ giữ kho trí nhớ tuyệt vời, là bởi vì phải có người bên cạnh, cái chỗ nào thấy quan trọng, thì: “Nè, nè, một là học thuộc lòng, hai là chép lại đoạn này, ghi note đoạn này nhe.”

Phải nói rất nhiều lần chúng tôi đọc sách, xem kinh, mà nếu có ai ở gần, tôi chỉ nói miệng: “Ờ, tôi mới vừa đọc cái này nè, ghi lại.” Thay vì tôi ghi thì người đó ghi. Tôi nghĩ ra cái gì ngộ ngộ thì: “Ồ, ồ, tôi mới có suy nghĩ thế này”, tôi nói thì họ ghi. Lâu ngày họ cũng chính là một nửa của tôi. Cái người đó mới chính là một nửa của tôi đó, chứ không phải là cái người nữa mà tôi thương. Mà cái người nào mà copia người đó một nửa, mới đúng là cộng xương sườn số 7 của tôi đó. Chớ còn mà giặt áo nấu cơm, cái đó là bèo lắm. Cái đó mình muốn osin được. Quan trọng là cái người kia.

Đoạn này phải học thuộc lòng nè:

“Này các tỳ-kheo, Giới bốn này gồm hơn 150 học giới cần phải đọc nửa tháng một lần. Các người thiện nam tử muốn lợi ích phải học tập Giới bốn ấy. Này các tỳ-kheo, tất cả 150 giới được thu nhiếp vào ba học giới này. Đó là Tăng thượng Giới học, Tăng thượng Định học và Tăng thượng Tuệ học.”

Có những trường hợp mình phải hiểu rằng con số nó chỉ là tương đối thôi. Đêm hôm qua tôi có giảng mà có lúc tôi nổi điên luôn cái đám mà không hiểu đó. Có những trường hợp con số nó không quan trọng. Miễn sao nổi cơm nó chín thôi. Còn kinh nghiệm thì tùy người hướng dẫn.

Thí dụ có người họ nói muốn có một nồi cơm chín phải trải qua bốn bước. Rồi có người nói là muốn có nồi cơm chín phải trải qua năm bước. Có người gom lại ba

bước. Còn có người nói có hai bước thôi: một là vo gạo, hai là bỏ vô lò bấm nút. Còn có người nói năm bước là họ thêm tùm lum nào là lượm thóc, nào là vo tùm lum!

Nhưng mà gom chung lại thì mình trên 18 mình phải hiểu ngầm. Mình đừng bận tâm con số ba bước, năm bước, tám bước đó, mà phải coi coi ba bước có khác gì năm bước hay không. Và năm bước có khác hai bước hay không. Nội dung có chửi nhau, có mâu thuẫn, có kinh chống, có trái khoáy nhau hay không, nhe!

Ở đây cũng vậy, có nhiều lúc Ngài nói gọn như vậy. Nhưng cái đoạn này mới ghê nè. Đoạn một cũng...

Ghê, là chính Ngài xác nhận mấy trăm giới có thể gom gọn trong Tam học.

Đoạn 2 là: “Có những tỳ kheo giới viên mãn nhưng định chỉ có một phần, tuệ chỉ có một phần, thì vị đó vẫn có thể chứng quả Dự lưu”.

Câu này phải hiểu là một vị Tu-đà-hoàn, hồi nãy tôi có nói rồi, khi mà ba-la-mật nó chỉ chín muồi tới đó thôi, thì khả năng nhận thức Bốn Đế của vị này cũng có tới đó thôi. Như vậy, vị này chỉ mới chứng được tầng Sơ quả Tu-đà-hoàn, thất lai, nhập lưu thôi. Và khi mình chỉ nhận thức Bốn Đế tới đó thôi thì dĩ nhiên cái phiền não mình bỏ đi nó chỉ có một phần nhỏ thôi; mặc dù phần đó rất là căn bản. Nhưng mà nói trên con số thì con số đó rất là nhỏ, chỉ mới trừ được thân kiến, hoài nghi thôi. Giới cấm thủ tôi không kể. Còn nếu kể cho nó chi tiết thì bốn pháp thiên vị là: không hành xử vì thương, không hành xử vì ghét, không hành xử vì dựa trên cái sợ và không hành xử vì dựa trên cái dốt của mình. Người phàm thì còn hành xử theo bốn cái này, nhưng Tu-đà-hoàn thì không.

Cho nên nói gọn thì Tu-đà-hoàn diệt trừ thân kiến, hoài nghi; mà nói rộng thì thêm giới cấm thủ. Mà rộng nữa thì Tu-đà-hoàn không có hành xử theo bốn pháp thiên vị này. Còn người phàm mình thì còn. Nhiều khi cái chuyện đó là bậy, nhưng người mà mình thương họ làm thì mình thấy OK. Có không? Mà nếu người mình ghét mà làm vậy thì mình đem ra lăng trì xử trảm. Cái chuyện đó, dựa mình thương thì hồng sao,

mà đưa mình ghét nó làm mình cũng không dễ yên. Đó là hành xử theo thương và ghét.

Thứ ba là hành xử vì sợ. Mình hành động theo cái sợ, nghĩa là mình nể mặt người đó, mình sợ bị người đó trừng phạt, sợ bị mất quyền lợi, sợ bị cái gì đó, thế là mình hành động không như tinh thần chánh pháp nữa. Cái đó gọi là hành động vì sợ.

Còn hành động vì dốt là sao? Có nghĩa là chuyện đó mình thấy giải quyết không xong thì mình phải đi học hỏi, tham cứu người này người kia để giải quyết. Còn đặng này, cái đâu mình có cái gì mình lấy cái đó ra xài, mình không nghĩ tới chuyện tham chiếu, tham khảo với người khác. Đó là hành động vì dốt. Có rất nhiều người trong đời sống họ hành động như vậy. Có nghĩa là hỏi tại sao làm vậy: “Có biết đâu, tại tui đâu biết”. Tôi ghét nhất cái câu đó, hỏi: “Tại sao làm vậy?” mà nói: “Tui đâu biết đâu!”. Hỏi: “Tại sao không đi hỏi?” — “Biết hỏi ai bây giờ!”. Vị Tu-đà-hoàn không ăn nói trời ời như vậy. Không biết thì phải hỏi. Mình không thể đem cái dốt mình ra làm hư bột hư đường. Cái đó là hành động vì dốt, vì cái si đó, nhe!

Vị Tu-đà-hoàn không còn bủn xỉn. Vị Tu-đà-hoàn không còn ganh tị. Vị Tu-đà-hoàn không còn tâm sân đủ để vi phạm giới luật. Vị Tu-đà-hoàn không còn tâm tham dính kèm tà kiến, có nghĩa là không còn tâm tham mà dẫn đến sa đọa. Như vậy, cộng cho đủ, cái phiền não mà vị Tu-đà-hoàn trừ được nhiều lắm chứ không phải ít.

Tuy nhiên, do ba-la-mật chưa đến lúc chín muồi triệt để, ngay cả ngài A-nan, Ngài tu 100.000 mà chưa đến lúc chín muồi đầu một phút thì cũng phải chịu, chứ đừng nói gì: “Tôi tu 100.000 sao không chín sớm cho tôi nhờ”. Các vị có hiểu không? Mình nấu một nồi cơm, mình hỏi nó chín sao được. Nó phải đúng giờ đúng giấc, chứ ép nó chín, nó chín kiểu nào đây?

Ở đây cũng vậy. Khi duyên lành ba-la-mật chưa viên mãn thì một là vị đó không chứng gì hết; còn hai là phải chứng, phải chấp nhận cái đó, phải chứng thắp. Khi mà nhận thức Bốn Đế chưa được đầy đủ thì sự đoạn trừ phiền não cũng chưa được đầy

đủ. Mà nếu phiền não chưa được đoạn trừ đầy đủ thì giới học cũng chưa hoàn toàn thanh tịnh.

Nhớ nhe, phải hiểu như vậy, chớ không thì nói mơ mơ không ai hiểu tại sao nó không hoàn toàn thanh tịnh. Tại vì ba-la-mật chưa đến lúc chín muồi hoàn chỉnh thì coi như trí tuệ Bốn Đế cũng chưa được hoàn chỉnh. Mà trí tuệ Bốn Đế chưa hoàn chỉnh thì việc đoạn trừ phiền não cũng chưa được hoàn chỉnh. Mà nếu phiền não chưa được giải quyết triệt để thì cái giới của vị này cũng chưa được hoàn hảo, hoặc là định vị này cũng khó hoàn hảo, hoặc tuệ vị này khó mà hoàn hảo.

Giới đây phải hiểu có hai: một là Thánh giới, hai là phàm giới.

Phàm giới ở đây là 227 giới hoặc là 150 giới, bla bla bla...

Còn Thánh giới là khả năng ngăn trừ phiền não. Trong trường hợp này, ở đây nói: “Trong trường hợp một số tỳ kheo giới luật toàn phần...”, thì toàn phần đây mình hiểu là phàm giới đó, chớ còn Thánh giới thì vị này chưa. Bởi vì Thánh giới chỉ được hoàn tất khi mình chứng La-hán thôi, quý vị. Còn phàm giới, tức là cái giới bị bó trong mấy con số, thì vị Tu-đà-hoàn OK. Cho nên mới có trường hợp giới hoàn hảo toàn phần nhưng định và tuệ chưa có toàn phần.

Cái này cũng đơn giản thôi. Sao định và tuệ chưa toàn phần? Là bởi vì một khi ba-la-mật chưa chín muồi, chưa 100%, thì trí tuệ nhận thức về Bốn Đế chưa hoàn hảo, chưa đầy đủ. Do chưa đầy đủ nên sự chấm dứt phiền não cũng chưa triệt để. Mà nếu phiền não còn di sót thì định cũng chưa có thể nào được gọi là hoàn chỉnh. Là vì định hoàn chỉnh chỉ có ở người không còn phiền não nữa. Nhớ nhe!

Định chỉ được xem là hoàn hảo ở người không còn một tí ti phiền não nào nữa. Tuệ cũng vậy, có nghĩa là định không còn gì để làm và tuệ không còn gì để thêm ở vị La-hán. Chỉ có vị La-hán thì giới, định, tuệ mới coi là không còn gì để làm hơn nữa. Còn nếu chưa chứng La-hán thì còn phiền não. Mà còn phiền não thì Tam học còn có vấn đề, còn bị khiếm khuyết, còn có chỗ bị thiếu sót. Nhớ nhe!

Cho nên trong đây ghi rất rõ: “Giới hoàn hảo mà định và tuệ chưa hoàn hảo thì tối đa cũng chỉ tới được Tu-đà-hoàn”. Trường hợp thứ hai, giới hoàn hảo, định hoàn hảo nhưng tuệ chưa hoàn hảo. Định ở đây là chứng được Phi tưởng phi phi tưởng luôn đó, coi như cái phàm định hoàn hảo rồi đó. Nhưng cái Thánh định là sao? Thánh định là cũng các cái tầng thiền đó mà nó đi chung với các tâm Thánh đạo, Thánh quả thì gọi là Thánh định. Thì đối với vị chưa đắc A-la-hán, định vị này cũng chưa tới nơi tới chốn.

Các vị thấy để là: “Có những vị mà định hoàn tất toàn phần”, thì phải hiểu ngầm này là phàm định. Phàm định thì có thể hoàn tất toàn phần. Còn riêng về tuệ thì dứt khoát không.

Tôi nhắc lại: “Trong sạch 227 giới mà định và tuệ chưa trong sạch 100% thì vị đó vẫn có thể chứng Thánh nhưng chưa hoàn tất 100% bốn tầng Thánh”.

Thứ hai: 227 giới được hoàn tất ngon lành, Tứ thiền, Bát định cho đến Phi...

Tưởng phi phi tưởng mình đắc luôn, nhưng mà cái Tuệ chưa tới nơi tới chốn thì cũng chưa được xem là hoàn tất đạo nghiệp. Phải là trường hợp thứ ba, nghĩa là Giới, Định, Tuệ phải kiêm ưu thì mới chứng quả La Hán, mới hoàn tất Tam học.

Có bốn hạng hành giả sau đây:

1. Hạng hành giả thứ nhất là tu Samatha, Thiền chỉ, trước, Vipassana, Thiền quán, sau.
2. Thứ hai là Vipassana trước rồi Samatha sau.
3. Thứ ba là Samatha và Vipassana được tu cùng lúc như những bậc Đại trí. Đức Phật chẳng hạn, thì Samatha và Vipassana Ngài phát triển cùng một lúc. Tức là Ngài nhập vô Tứ thiền, ra Tứ thiền, dùng trí tuệ của người có Tứ thiền, Ngài quan sát 12 duyên khởi và chứng La Hán Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là Chỉ Quán cùng lúc, Chỉ Quán song tu.

4. Thứ tư là trước sau chỉ có Thiền quán mà thôi. Tức là chỉ có Vipassana only.

Đó là bốn hạng hành giả. Bốn hạng này, nếu ba la mật đầy đủ đúng lúc chín muồi, thì đều có thể chứng quả Hữu học hoặc La Hán. Nhưng riêng hạng thứ tư, đặc La Hán xong rồi thì không có khả năng nhập định, cũng không có khả năng hóa hiện thần thông, mà chỉ là vị A la hán trơn. Trong tiếng Pali kêu là “Sukkha Vipassaka”. Sukha nghĩa là an lạc thì có một chữ “k”. Còn sukkha đây có hai chữ “k”, nghĩa là “khô khan”. Vị A la hán Sukkha Vipassaka nghĩa là vị hành giả khô khan, không có thiền định, thần thông, chỉ có trí tuệ Tứ niệm xứ thôi.

Ở đây mình học bốn trường hợp:

1. Trường hợp một là Giới hoàn hảo, là 227 giới hoàn hảo, nhưng Định và Tuệ không hoàn hảo 100%.

2. Trường hợp hai là Giới, 227 giới, OK; tám tầng thiền, bốn sắc, bốn vô sắc, Bát định là OK; nhưng mà Tứ niệm xứ thì chưa OK. Thì vị này cũng có thể đạt tới tầng Nhất Lai.

3. Các vị nhớ để ý kỹ nghe, chỉ có Giới thôi, Giới hoàn hảo, tức là 227 giới hoàn hảo, nhưng mà Định bị trục trặc chút đỉnh, Tuệ còn bị trục trặc chút đỉnh thì có thể đắc Tu đà hườn. Nhưng muốn đắc Nhất Lai, tức là Nhị quả đó, hoặc là Tam quả, thì Định phải khá hơn. Định mạnh mới lên tới tầng Thánh cao. Lên tầng Thánh càng cao thì Định càng mạnh.

Vì sao vậy, vì sao càng lên cao Định phải mạnh theo? Vì một lý do vô cùng và cực kỳ đơn giản như sau: hễ nói tới Định là phải nói tới năm triền cái. Sơ thiền là phải giải quyết năm triền cái, đó là chuyện thứ nhất. Chuyện thứ hai là khi càng lên cao trong các tầng Thánh thì khả năng quay lui cõi dục càng ít dần. Khả năng quay lại cõi dục của vị Tu đà hườn so với người phàm là rất ít, còn, nhưng mà rất ít. Còn khả năng quay lại cõi dục của bậc Nhị quả Tư đà hàm thì so với vị Tu đà hườn còn ít nữa. Rồi khả năng quay lại cõi dục của vị Tam quả là coi như zero. Coi như càng lên cao thì

khả năng quay lại cõi dục càng thấp dần, thấp dần. Mà anh muốn thấp dần thì anh phải dần xếp năm triền cái. Mà cái người dần xếp được năm triền cái thì đương nhiên Định phải mạnh, phải không quý vị?

Hồi nãy tôi nói rồi, muốn lên tới Sơ thiền là anh phải dần xếp năm triền cái: tham dục, sân độc, hôn thụy, trạo hối và hoài nghi. Mà trong khi anh muốn đắc Sơ thiền là anh phải dần xếp năm anh này rồi. Đó là chuyện thứ nhất. Chuyện thứ hai là chỉ riêng đắc Tu đà hườn thôi thì khả năng quay lại cõi dục còn rất ít so với người phàm. Rồi lên tới Nhị quả, khả năng quay lại cõi dục còn ít nữa. Mà hễ khả năng quay lại cõi dục càng ít thì mình phải hiểu ngầm là năm triền phải được dần xếp. Mà năm triền phải được dần xếp thì Định đương nhiên là phải mạnh. Cho nên mới có hai đoạn sau đây:

Giới hoàn hảo, rồi Định hoàn hảo. Nếu mà chỉ Giới hoàn hảo không thôi, mà Định một phần, Tuệ một phần, thì có thể chứng Dự lưu. Nhưng muốn chạm tới Nhị quả và Tam quả thì phải thêm cái Định hoàn hảo nữa. Không biết trong room có nghe kịp không.

Tới đây phải mở ngoặc, là cái hoàn hảo của Nhị quả nó không bằng cái hoàn hảo của Tam quả. Nhớ nghe, vì người ta cao hơn mà. Cả hai đều cất xong cái nhà. Một bên thì chưa có làm cổng, chưa làm rào. Rồi phía trước thì chưa làm landscape, chưa trồng bông, chưa gắn ống nước, chưa gắn cơ chế đo độ ẩm tự động để tưới. Thí dụ vậy, nó hơi trực trặc, thiếu chút đỉnh. Đó là Nhị quả đó. Còn Tam quả thì coi như phần Định ngon lành hơn. Cho nên cái nhà cất rồi, Tam quả cũng cất cái nhà rồi, nhưng cái “rồi” của vị Nhị quả không bằng cái “rồi” của vị Tam quả.

Cho nên ở đây mình thấy hai cái đoạn này giống nhau. Cái đoạn nói về Tu đà hườn thì khác. Tức là hoàn hảo về mấy trăm giới, nhưng Định và Tuệ thì chưa hoàn hảo. Mình thấy là khác hai đoạn giữa. Còn hai đoạn tiếp theo mình thấy giống nhau y chang: Giới hoàn hảo, Định hoàn hảo, nhưng trường hợp một là Giới Định hoàn hảo mà lại đắc được có Nhị quả. Còn trường hợp hai là Giới Định hoàn hảo nhưng mà

đắc Tam quả là vì sao? Là vì tuy là nói hoàn hảo, nhưng mà chưa có gấn ống nước, chưa gấn đèn ngoài cổng, chưa trồng bông. Cho nên đó là kiểu hoàn hảo của Nhị quả đó. Còn kiểu hoàn hảo của Tam quả là người ta xong xuôi hết. Đó là cái hoàn hảo về Giới, về Định của Nhị và Tam quả.

4. Chỉ riêng trường hợp thứ tư là Giới hoàn hảo, Định hoàn hảo và Tuệ hoàn hảo thì vị đó mới đắc chứng La Hán.

Có một chuyện bắt buộc các vị phải nhớ. Chữ “hoàn hảo” ở đây là sao?

Hồi nãy nói rồi, Giới hoàn hảo có hai trường hợp: hoàn hảo phạm giới và hoàn hảo Thánh giới. Hoàn hảo phạm giới là giữ sạch sẽ, thanh tịnh mấy trăm giới đó. Còn Thánh giới đây là khả năng đối phó, trấn áp, phòng ngự đối với phiền não được gọi là Thánh giới. Cho nên khi mình nghe nói Giới hoàn hảo là mình phải hiểu trường hợp nào phải hiểu là phạm giới, trường hợp nào phải hiểu là Thánh giới.

Định cũng vậy. Có rất nhiều vị Tam quả không có từng tu Samatha, chưa có tầng thiền... bỗng nhiên vậy thì cái Định của vị này nằm ở đâu? Xin thưa, khi mà mình đắc Tam quả có nghĩa là mình không còn dục ái và sân. Khi mình không còn dục ái và sân thì tuy nói trên mặt hành chánh, mặt giấy tờ thì mình là người không có thiền. Nhưng về nội dung, một người mà chứng Tam quả, họ không còn dục ái và sân. Như vậy thì họ tối thiểu là đang sống bằng cái tâm tư của một vị Sơ thiền. Nhớ nghe, cái này phải nhớ!

Cho nên không bao giờ có chuyện một vị A na hàm Tam quả mà chết rồi sanh trở lại cõi dục. Chuyện này không có là vì sao? Là vị này không còn dục ái và sân. Có nghĩa là không còn đam mê trong năm trần, cũng không còn bất mãn trong năm...

Trần thì vị này lấy vé nào để quay trở lại cõi dục đây?

Nhớ nhe!

Chuyện thứ hai là định nó có ba. Đó là sát-na định, tức là khả năng tập trung tư tưởng trong từng phút, từng phút, từng phút.

Thứ hai là cận định, là khả năng tập trung tư tưởng trong nhiều giờ đồng hồ, và được xem là bất khả xâm phạm trước trần cảnh trong nhiều giờ đồng hồ. Bởi vì giai đoạn này là giai đoạn chuẩn bị đắc Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền. Tôi nói nguyên văn là “khả năng” nhe.

Cái cận định là cái khả năng nó có thể kéo dài trong nhiều giờ. Và nó có khả năng bất khả xâm phạm, có nghĩa là khả năng tập trung của mình không bị chi phối bởi ngoại cảnh. Đó là giải thích về cận định.

Tuy nhiên, thời gian ở cận định của người này, người kia không bắt buộc phải giống nhau. Có nhiều người cận định của họ chỉ xuất hiện trong một tích tắc thôi, nó làm nền để họ đắc Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền. Các vị hiểu không ta?

Cho nên phân tích thì nghe nó lê thê vậy, chớ thật ra thì đối với thằng Tèo đó, thì cái cận định của nó tới mấy năm trời, nó làm nền mấy năm trời thì Sơ thiền nó mới lòi ra. Còn đối với thằng Tí thì cận định kéo dài mấy chục năm trời, cả đời tới chết nó cũng không đắc được tầng thiền nào hết. Nhưng bố thằng Tí thì lại khác. Ông chỉ cần cái cận định nó có mặt có hai giây thôi, rồi ông đắc Sơ thiền, ông đi luôn Tam, Tứ thiền Sắc giới, rồi hư không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu xứ của Vô sắc giới, ông đi luôn.

Như vậy thì thằng Tèo coi như khác thằng Tí, mà bố của thằng Tí lại khác nữa. Nhớ nhe! Nhớ trường hợp này.

Cho nên khi nói định mà hoàn hảo ở đây, mình phải hiểu ngầm hoàn hảo là sao. Hoàn hảo cái sát-na định, hay hoàn hảo cái cận định, hay hoàn hảo cái kiên cố định. Các vị nhớ không?

Đặc biệt, tôi nhắc lại, đối với vị Tu-đà-hườn dầu chưa từng đắc thiền, thì khi chúng được Tam quả, đương nhiên cái định vị này cực mạnh, vì vị này không còn dục ái và sân. Mà không còn dục ái và sân thì coi như vị này đã là tương đương với quả vị Sơ thiền.

Còn vị Nhị quả thì định học cũng được xem là hơn hẳn vị Sơ quả, là vì vị này còn một bước nữa là lên Tam quả rồi. Cho nên để chuẩn bị lên quả A-na-hàm, vị này cái định dứt khoát là phải khác cái vị Tu-đà-hườn. Dứt khoát phải khác, cho dầu cả hai vị Tu-đà-hườn và Tư-đà-hàm này nè, tôi giả định thôi, vị này chưa từng tu thiền chỉ, chưa từng.

Nhưng mà cái định của vị Tu-đà-hườn, tôi nhắc lại, Tu-đà-hườn mà chưa tu thiền Samatha ngày nào hết, thì cái khả năng định tâm dứt khoát rất khác so với phàm phu mà chưa có đắc thiền. Tôi và anh ai cũng chưa đắc thiền hết. Nhưng tôi, Tu-đà-hườn, tôi khác anh.

Rồi đến vị Tu-đà-hườn mà chưa đắc thiền, thì so với vị Tư-đà-hàm chưa đắc thiền, cái định của vị Tư-đà-hàm, chưa đắc thiền, nó cũng khác với vị Tu-đà-hườn, chưa đắc thiền.

Rồi cái định của vị A-na-hàm chưa đắc thiền thì dứt khoát nó phải khác với cái định của vị Tư-đà-hàm chưa đắc thiền.

Cuối cùng, cái định của vị La Hán mà chưa đắc thiền, nó cũng phải khác với cái định của vị A-na-hàm chưa đắc thiền. Trong room nói hiểu không ta?

Cái này quan trọng lắm nghe. Cho nên bữa nay mình phải nói tuốt tuồn tuột thế nào là giới hoàn hảo. Mình nhớ có hai là phàm giới và thánh giới. Còn định cũng vậy, định có ba. Nhớ nha! Hoàn hảo là hoàn hảo làm sao?

Sát-na định có thể gọi là hoàn hảo nếu nó hỗ trợ nhịp nhàng với trí tuệ Tứ niệm xứ. Để cắt đứt phiền não thì trong trường hợp này cũng có thể gọi là định hoàn hảo, vì nó

đã làm được việc của nó rồi.

Bây giờ các vị lấy cái búa các vị cắt món đồ, tui lấy con dao cắt món đồ. Dĩ nhiên con dao của tui nhỏ hơn, nhẹ hơn, gọn hơn cái búa. Nhưng vấn đề là tôi có cắt được món đồ đó hay không. Nếu cắt được thì là nó tương đương với cái búa, ít nhất cũng trong trường hợp này.

Bài kinh “Bản tụng đọc”, tức là Giới Bốn, có chỗ người ta dịch là Giới Bốn. Còn ở đây Ngài không dịch Giới Bốn mà dịch là “Bản tụng đọc”, tôi không hiểu tại sao.

Sẵn đây tôi nói luôn một chuyện cũng hơi buồn, là sau khi Hòa thượng Minh Châu tịch rồi, thì không biết nhà nước của chúng ta, hay Bộ Tôn giáo bên Ban Tôn giáo Chính phủ, hay trong Giáo hội Phật giáo quốc doanh mình, không biết là bên ai mà đưa ra một đề nghị quái gở như sau: tức là đem cái bản dịch gốc của Ngài Minh Châu đem đi chỉnh sửa lại.

À, có nhiều chữ Ngài Minh Châu dùng giờ sửa lại. Thí dụ như Ngài Minh Châu dịch là Kinh Xà Dụ, Kinh Alagaddupama Sutta, tức là Kinh Ví dụ Con rắn. Thì trong bản Hán tạng để là Xà Dụ, thì trong bản sửa, sửa là Kinh Ví dụ Con rắn. Đó, nó hơi ngô ngô vậy đó. Cái này tôi chịu thua, không biết ý kiến quái gở đó của ai.

Rồi có nhiều từ lạ. Thí dụ Ngài Minh Châu dịch là: “Này các tỳ-kheo, các người nghĩ thế nào?”, thì cái bản sửa lại là: “Này các tỳ-kheo, các ông nghĩ thế nào?”. Rồi có cái bản cũ thì để là: “Vị tỳ-kheo không làm gì để cho mình phải hối hận”, thì bản mới sửa lại là: “Vị tỳ-kheo không làm gì để cho tự ngã phải hối hận”. Bởi vì chữ atta có nhiều nghĩa, đây là tự ngã. Ngộ lắm!

Tôi có cảm giác là họ sửa để cho bản dịch này bị tàn tật đi. Và đó cũng là một cách, thứ nhất là xóa sổ Ngài Minh Châu, hoặc có thể đó là cách gieo cái mầm ác cảm cho Nam Tông, để cho người ta thấy kinh Nam Tông là kinh tào lao, kinh dốt nát, đại khái như vậy. Chớ bản cũ Ngài Minh Châu rất là OK. Họ làm sao họ triệt được Ngài Minh Châu, triệt được Nam Tông họ mới yên.

Mình nói này thì ở bến buộc tội mình gây chia rẽ khối đại đoàn kết, nhưng mà bây giờ các vị đẩy tôi vào cái thế phải suy nghĩ như vậy thôi. Mình sửa người ta thì phải sửa hay hơn, chớ sửa tệ hơn thì cái đó là phá người ta chớ đâu gọi là sửa.

Chưa kể nhiều vị còn ấu nữa. Bản dịch của người ta, tự nhiên mình móc mình để tên mình ở dưới để mình là “hiệu đính”. Tôi ngồi tôi nghĩ hoài hông ra hiệu đính là cái gì; trong khi Ngài dịch bao nhiêu bộ kinh mà cái người để là hiệu đính, người này họ có dám thề trước Tam Bảo là họ đã đọc hết các bản dịch của Ngài Minh Châu không? Đó là cái thứ nhứt.

Thứ hai, cái giáo lý của họ có chắc là giỏi hơn Ngài Minh Châu không? Thứ ba, tiếng Pali, tiếng Hán của họ có hơn được Ngài Minh Châu hay không? Và cái điều quan trọng nhứt là họ có dám nói thiệt trước Tam Bảo là họ đã đọc hết bản dịch của Ngài Minh Châu hay không? Vậy thì xin

Hỏi cái “hiệu đính” đó là cái gì? Hiệu đính này là cái gì?

Các vị tưởng tượng đi. Thí dụ một ông kiến trúc sư ổng cất xong rồi, tôi là ông Giác Nguyên, tôi tới tôi dòm cái nhà. Tôi dòm xong tôi mới ký tên ở dưới công trình, tôi nói là người đã kiểm nhận công trình. Các vị nghĩ coi, các vị có nổi điên không?

Tôi học mới lớp ba hà, tự nhiên trong nguyên cái lapl... của ông kiến trúc sư, tôi ký tên dưới, tôi nói là người đã kiểm nhận công trình đó, nghiệm thu công trình, ký tên là Giác Nguyên. Các vị nghĩ có điên không?

Tôi biết cái gì về kiến trúc? Tôi biết cái gì về sắt, đá, xi măng? Tôi không biết gì hết! Rất là ấu!

Mà đất nước mình có những cái hiện tượng rất là lạ. Nhưng mà mình tập dần mình quen, quen dần mấy cái “lạ” đó.

Rồi, kinh 86 cũng y chang như kinh 85, mà có điều nó hơi chi tiết hơn.